

## NHỮNG ĐÓNG GÓP CỦA TIN LÀNH THỜI KỲ ĐẦU DU NHẬP VÀO TRUNG QUỐC VÀ VIỆT NAM

**Tóm tắt:** Trên cơ sở so sánh những đóng góp của Tin Lành ở Việt Nam và Trung Quốc trong thời kỳ đầu truyền giáo thông qua các lĩnh vực giáo dục, y tế, thông tin, báo chí, xuất bản, từ thiện xã hội và thúc đẩy giao lưu văn hóa Đông - Tây, v.v..., bài viết phân tích những nguyên nhân chính dẫn đến sự khác biệt về mức độ ảnh hưởng đến xã hội của Tin Lành tại Trung Quốc và Việt Nam.

**Từ khóa:** Đóng góp, Tin Lành, Trung Quốc, Việt Nam, xã hội.

Trung Quốc là một trong những con đường Tin Lành đi qua khi truyền giáo vào Việt Nam. Tuy nhiên, quá trình truyền giáo Tin Lành vào hai nước có những khác biệt nhất định dẫn đến mức độ ảnh hưởng của nó đến xã hội hai nước rất khác nhau. Trong khi Tin Lành không tạo được sự ảnh hưởng lớn đối với xã hội tại Việt Nam thì ở Trung Quốc, nó đã làm thay đổi bộ mặt của các ngành giáo dục, y tế, báo chí truyền thông và quan niệm về an sinh xã hội, góp phần to lớn thúc đẩy sự phát triển văn hóa - xã hội Trung Quốc thời kỳ cận đại.

### 1. Những đóng góp trong lĩnh vực giáo dục

Hoạt động chủ yếu nhất nằm ngoài phạm vi hoạt động tôn giáo mà các đoàn truyền giáo Tin Lành Phương Tây tiến hành trên đất Trung Quốc là xây dựng các cơ sở giáo dục đào tạo. Đây cũng là hoạt động truyền bá văn hóa quan trọng nhất, gây ảnh hưởng sâu rộng nhất đối với xã hội Trung Quốc. Trong cuốn *Tôn chỉ của giáo dục Kitô giáo* có đoạn: “Giáo dục Kitô giáo chính là Kitô giáo hóa Trung Quốc, mục đích lớn nhất là biến Trung Quốc thành một dân tộc theo Kitô giáo”<sup>1</sup>. Xuất phát từ mục đích này, các nước Âu - Mỹ sau khi nhận được các khoản bồi thường chiến tranh trong thời kỳ Phong trào Nghĩa Hòa Đoàn nổi dậy đều đổ vào xây dựng các cơ sở giáo dục đào tạo trực thuộc Hội Thánh Tin Lành.

Nền giáo dục của Tin Lành phát triển đã khơi nguồn cho nền giáo dục hiện đại của Trung Quốc. Học đường kiểu Phương Tây đầu tiên ở Trung Quốc chính là trường học của Hội Thánh Tin Lành do các giáo sĩ truyền

---

\* Tiến sĩ. Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

giáo xây dựng. Hệ thống giáo dục bao gồm các trường từ sơ cấp, trung cấp đến cao cấp và chuyên ngành của Tin Lành đã thúc đẩy một cách căn bản việc cải cách quan niệm giáo dục cận đại của Trung Quốc và phát triển một thể chế giáo dục hoàn toàn mới. Đặc biệt, việc Tin Lành sáng lập các trường đại học tại Trung Quốc đã làm tăng tiến trình xóa bỏ chế độ khoa cử, xây dựng các trường học hiện đại trong lịch sử phát triển giáo dục ở Trung Quốc. Vì vậy, các trường đại học do các giáo sĩ truyền giáo nước ngoài xây dựng đã có những ảnh hưởng tích cực đối với sự phát triển của nền giáo dục cận đại Trung Quốc.

Đến đầu thế kỷ XX, hầu như nhà thờ nào ở Trung Quốc cũng có một trường tiểu học. Theo thống kê không đầy đủ, năm 1914 đã có 4.120 trường tiểu học với 104.841 học sinh và 286 trường trung học cơ sở với 13.453 học sinh. Đến năm 1919 đã có 5.637 trường tiểu học với 151.582 học sinh; 962 trường trung học cơ sở với 32.899 học sinh; 291 trường trung học phổ thông với 15.213 học sinh<sup>2</sup>.

Tin Lành cũng chú trọng việc xây dựng và phát triển hệ thống giáo dục cao đẳng, đại học ở Trung Quốc khiến cho nền giáo dục Trung Quốc có những tiến bộ mang tính lịch sử. Sự xuất hiện các trường đại học của Tin Lành là bước đột phá lớn trong lịch sử giáo dục Trung Quốc, khiến cho Trung Quốc có hệ thống giáo dục cao đẳng, đại học thời cận đại. Về cơ bản, các trường đại học của Tin Lành đã vượt qua những khiếm khuyết của hệ thống giáo dục truyền thống của Trung Quốc. Nó đã mang đến cho nền giáo dục cao đẳng, đại học Trung Quốc rất nhiều nội dung mới mẻ trên nhiều phương diện như: mô thức lập trường học, nội dung giảng dạy, bồi dưỡng nhân tài, thích ứng với xã hội. Việc xây dựng các trường đại học của Tin Lành thúc đẩy Trung Quốc bắt đầu chú trọng đến giáo dục cao đẳng, đại học. Học sinh tốt nghiệp từ các trường đại học của Tin Lành trở thành lực lượng giáo viên trong các trường đại học ở Trung Quốc.

Trước khi các trường đại học của Tin Lành được xây dựng, hệ thống giáo dục cao đẳng của Trung Quốc chủ yếu học văn sử cổ điển. Đến đầu thế kỷ XX, trình độ của các trường đại học thuộc Hội Thánh Tin Lành tốt nhất Trung Quốc đã gần sánh ngang với trình độ của các trường đại học ở Âu, Mỹ đương thời. Sự xuất hiện các trường đại học của Tin Lành đã khiến cho nền giáo dục cao đẳng, đại học Trung Quốc rút ngắn khoảng cách vài trăm năm so với nền giáo dục đại học Phương Tây.

Ở Việt Nam, Tin Lành du nhập từ năm 1911 nhưng phải đến năm 1952 Hội Thánh Tin Lành Việt Nam mới thực sự chú ý đến việc truyền

giáo thông qua giáo dục bằng việc thành lập một ủy ban lo tổ chức trường trung học. Đến năm 1953 mới có trường tiểu học, trung học đầu tiên đi vào hoạt động. Tính đến năm 1975, Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Nam) có tất cả 142 trường trung học và tiểu học với 800 lớp, hằng năm thu hút khoảng 5 vạn học sinh<sup>3</sup>. Hội Thánh Cơ Đốc Phục Lâm tính đến năm 1975 cũng có nhiều cơ sở văn hóa giáo dục như: Một chi nhánh Đại học đường Đông Nam Á, một trường trung học Cơ Đốc Sài Gòn và 18 trường trung - tiểu học<sup>4</sup>. Hội Cứu tế Hoàn cầu Khải tượng, theo thống kê đến năm 1974, đã mở được trên 90 trường trung học và tiểu học, quy tụ 800 giáo viên, 90 nhân viên và 30.000 học sinh<sup>5</sup>. Những trường học của Tin Lành ở Việt Nam chủ yếu chỉ dừng lại ở bậc tiểu học, trung học, hầu như không có bậc cao đẳng, đại học nên không có khả năng làm thay đổi bộ mặt của ngành giáo dục Việt Nam.

## **2. Những đóng góp trong lĩnh vực y tế**

Trong lĩnh vực y học, Trung Quốc vốn đã có lịch sử rất lâu đời và những triết lý cực kỳ sâu sắc, nhưng chủ yếu dựa vào sự siêu hình, âm dương ngũ hành làm căn cứ để chuẩn đoán nguồn gốc của bệnh tật, rơi vào tình trạng mơ hồ trừu tượng. Nhìn chung, không thể phủ nhận những mặt ưu việt, nhưng cũng không thể che giấu được những khiếm khuyết của nó. Từ khi Tây y được truyền vào Trung Quốc, y học Trung Quốc càng nảy sinh những vấn đề bất cập. Việc đưa Tây y hiện đại vào Trung Quốc không thể không kể đến vai trò của Tin Lành.

Tin Lành xây dựng sự nghiệp y học ở Trung Quốc với mục đích thúc đẩy và phát triển sự nghiệp truyền giáo. Nhưng trên phương diện khách quan thì hoạt động chữa bệnh của các giáo sĩ truyền giáo Tin Lành đã đưa Trung Quốc tiếp cận với nền Tây y, thúc đẩy việc sáng lập nền y học hiện đại Trung Quốc.

Năm 1834, bác sĩ - giáo sĩ truyền giáo Peter Parke của Tin Lành Mỹ đến Trung Quốc. Từ đó, Hội Thánh Tin Lành bắt đầu kết hợp sự nghiệp chữa bệnh với sự nghiệp truyền giáo. Sự kết hợp này bao gồm việc các giáo sĩ truyền giáo tổ chức các hội y học, xây dựng các phòng khám ở cạnh Hội Thánh. Trên cơ sở đó, các bệnh viện của Tin Lành được thành lập, các sách, báo, thư tịch liên quan đến ngành y cũng lần lượt được xuất bản. Năm 1835, Peter Parke khai trương phòng khám mắt tại Quảng Châu. Đây là bệnh viện Tây y đầu tiên do giáo sĩ truyền giáo nước ngoài xây dựng ở Trung Quốc thời cận đại.

Sang thế kỷ XX, bệnh viện của Tin Lành phát triển nhanh chóng. Theo “Niên giám Kitô giáo” thống kê năm 1936, các đoàn truyền giáo Tin Lành đã xây dựng được hơn 260 bệnh viện tại Trung Quốc.

Để bồi dưỡng nhân viên y tế cho Hội Thánh, rất nhiều viện y học và trường đào tạo hộ lý được xây dựng. Đến năm 1937 đã có hơn 140 trường với gần 4.000 học sinh. Trước năm 1949, các bệnh viện thuộc Hội Thánh Tin Lành chiếm 70% tổng số bệnh viện trên toàn Trung Quốc, 90% hộ lý trong các bệnh viện này là tín hữu Tin Lành<sup>6</sup>.

Những hoạt động thực tiễn chữa bệnh và giới thiệu về lý luận y học Phương Tây của các giáo sĩ truyền giáo nước ngoài đã đặt nền móng đầu tiên cho sự phát triển của nền y học Phương Tây và Tân được ở Trung Quốc thời kỳ cận hiện đại.

Tại Việt Nam, một số hệ phái Tin Lành như Hội Truyền giáo Phúc Âm Liên hiệp, Hội Thánh Tin Lành Việt Nam, Hội Cơ đốc Phục Lâm cũng có chú ý hoạt động trong lĩnh vực y tế và xây dựng được một số bệnh viện nhưng số lượng rất ít và quy mô rất nhỏ không đủ sức làm thay đổi nền y học trong nước. Thành tựu nổi bật nhất đóng góp cho nền y học Việt Nam của Tin Lành chỉ có thể nhắc đến Bác sĩ Alexandre Yersin (1863 - 1943) - một tín hữu Tin Lành tìm ra nguyên nhân gây dịch hạch, thành lập Viện Pasteur Đông Dương tại Nha Trang, góp phần thành lập Đại học Y Hà Nội và để lại nhiều công trình nghiên cứu có giá trị trong lĩnh vực y học.

### **3. Những đóng góp trong lĩnh vực thông tin báo chí, xuất bản**

Ngay từ khi Tin Lành bắt đầu truyền giáo vào Trung Quốc, các đoàn truyền giáo đều rất chú trọng việc viết sách và công tác xuất bản phát hành. Thời kỳ cuối nhà Minh đầu nhà Thanh chưa có cơ quan xuất bản chính thức, nhưng hoạt động xuất bản của các giáo sĩ truyền giáo vô cùng sôi nổi. Việc viết sách, dịch sách của các giáo sĩ truyền giáo nước ngoài và tín hữu Trung Quốc phát triển mạnh mẽ và lan rộng thành phong trào. Sau Chiến tranh Thuốc phiện, các giáo sĩ truyền giáo nước ngoài bắt đầu sáng lập các tòa soạn báo, xây dựng cơ quan xuất bản. Những hoạt động này đã làm thay đổi một cách căn bản sự nghiệp xuất bản truyền thống của Trung Quốc. Từ đây, bắt đầu xây dựng khái niệm tin tức hiện đại và ý thức truyền bá đại chúng của người Trung Quốc. Báo chí mang tính bình luận chính trị và tính tôn giáo đầu tiên do các giáo sĩ truyền giáo Tin Lành sáng lập đã trở thành sự khởi đầu trong lịch sử báo chí cận hiện đại Trung Quốc. Việc

xuất bản tin tức của Hội Thánh Tin Lành từ thế kỷ XIX trở lại đây thực sự đã gây dựng nền móng cho sự phát triển của sự nghiệp xuất bản và tạo nguồn hứng khởi cho sự nghiệp báo chí cận đại Trung Quốc.

Những tờ báo tiếng Trung và tiếng Anh do các giáo sĩ truyền giáo Tin Lành sáng lập đã góp phần tạo điều kiện thuận lợi và kinh nghiệm làm báo ở Trung Quốc đại lục sau này.

Bước sang thế kỷ XX, sự nghiệp làm báo của Hội Thánh Tin Lành vẫn giữ chiều hướng phát triển. Đến năm 1936 đã có 238 loại ấn phẩm báo chí của Tin Lành xuất bản tại Trung Quốc, trong đó có 211 loại tạp chí tiếng Trung và 27 loại tạp chí tiếng Anh<sup>7</sup>.

Tại Việt Nam, Tin Lành chỉ có một vài tạp chí như *Thánh Kinh báo* (sau đổi thành *Thánh Kinh Nguyệt san*), *Đuốc Thiêng* và *Hùng Đông* (sau đổi thành *Rạng Đông*), tạp san *Tiếng gọi Đông Pháp*, v.v., với số lượng rất ít, thời gian phát hành cũng bị ngắt quãng, mức độ ảnh hưởng đối với xã hội rất thấp.

Cơ quan xuất bản đầu tiên của các giáo sĩ truyền giáo Tin Lành tại Trung Quốc đại lục là “Hội truyền bá kiến thức thực dụng tại Trung Quốc” được thành lập năm 1934 tại Quảng Châu. Đến năm 1935, Tin Lành đã xây dựng được 69 cơ sở xuất bản tại Trung Quốc. Trong số đó, nổi tiếng nhất phải kể đến “Quảng học Hội”. Quảng học Hội là cơ quan xuất bản lớn nhất mà các giáo sĩ truyền giáo Tin Lành xây dựng ở Trung Quốc. Cơ quan này đã từng là nhà xuất bản Kitô giáo chuyên nghiệp nổi tiếng trong và ngoài Trung Quốc.

Tại Việt Nam, các giáo sĩ truyền giáo Tin Lành cũng đã chú ý đến việc in ấn, xuất bản. Ngay từ năm 1920, tức là chỉ 9 năm sau khi du nhập vào Việt Nam, nhà in Hội Tin Lành Đông Pháp đã được thành lập tại Hà Nội nhưng do kinh phí có hạn, hoàn cảnh chiến tranh khiến nhà in phải di chuyển nhiều lần nên số lượng sách báo in ra không thể so sánh với Trung Quốc. Những ấn phẩm của nhà in Tin Lành ở Việt Nam chủ yếu là các ấn phẩm phục vụ việc truyền giáo.

#### **4. Những đóng góp trong lĩnh vực từ thiện xã hội**

Ngoài việc làm từ thiện thông qua hàng loạt các bệnh viện, phòng khám như đã trình bày ở phần trên, Hội Thánh Tin Lành tại Trung Quốc còn xây dựng hàng loạt các cơ sở từ thiện dành cho trẻ em bao gồm: nhà nuôi dưỡng trẻ em vô thừa nhận, cô nhi viện, trường dành cho người mù và trường dành cho người câm điếc, v.v...

Từ những năm 20 của thế kỷ XIX, các giáo sĩ truyền giáo Tin Lành tại Trung Quốc đã bắt đầu xây dựng cô nhi viện dành cho người Hoa. Cô nhi viện người Hoa đầu tiên do Walter Henry Medhurst, giáo sĩ truyền giáo của Hội Truyền giáo London sáng lập.

Theo thống kê năm 1914, trên toàn lãnh thổ Trung Quốc có 37 cô nhi viện do Tin Lành xây dựng, thu nhận và nuôi dưỡng gần 2.500 trẻ mồ côi.

Năm 1928, các giáo sĩ truyền giáo Tin Lành thành lập hội Liên hiệp Từ thiện Trẻ em tại Thượng Hải. Hội này gồm 5 bộ phận: Bảo hộ trẻ em, giáo dưỡng trẻ em, vệ sinh trẻ em, nghiên cứu về trẻ em và giáo dục xã hội. Hội cũng tạo lập phân hội tại một số thành phố lớn.

Năm 1874, giáo sĩ truyền giáo W. Murry sáng lập trường cho người mù đầu tiên tại Bắc Kinh. Đến năm 1907, Hội Thánh Tin Lành ở Trung Quốc có 12 cơ sở từ thiện dành cho người mù, năm 1926 con số này tăng lên tới 38 cơ sở, thu nhận nuôi dưỡng hơn 1.000 người mù.

Trường câm điếc đầu tiên ở Trung quốc là trường tư thực câm điếc Đấng Châu do giáo sĩ truyền giáo J. L. Nenius của Hội Thánh Tin Lành Trường Lão Bắc Mỹ xây dựng ở Sơn Đông. Các trường dành cho người mù và câm điếc do các giáo sĩ truyền giáo Tin Lành xây dựng đã đặt nền móng cho sự nghiệp giáo dục dành cho người khuyết tật ở Trung Quốc.

Một hệ thống các cơ sở từ thiện không thể không nhắc tới đó là các viện dưỡng lão, viện dành cho người tàn tật. Ngoài ra, Tin Lành Trung Quốc còn mở rộng việc cứu tế từ thiện, phục vụ xã hội như: giúp đỡ người tàn tật, tìm kế mưu sinh cho những người thất nghiệp, tạo điều kiện giúp đỡ những người sa cơ lỡ bước quay trở lại làm người lương thiện, dành các loại phúc lợi xã hội cho người dân lao động và xây dựng các viện bảo tàng, thư viện, nhà sách để mở mang dân trí.

Trong khi đó, ở Việt Nam những hoạt động từ thiện xã hội của giới Tin Lành bắt đầu khá chậm so với quá trình phát triển chung của Tin Lành. Những năm đầu, thỉnh thoảng có một vài hoạt động từ thiện nhỏ lẻ như giúp đỡ người nghèo, trợ giúp những người gặp thiên tai, v.v.. Phải đến năm 1953, sau 42 năm có mặt ở Việt Nam, cô nhi viện đầu tiên của Hội Thánh Tin Lành Việt Nam mới được thành lập. Trong quá trình xây dựng cô nhi viện này, Hội Thánh Tin Lành Việt Nam gặp phải sự phản đối ngay trong nội bộ của mình. Mục sư Lê Văn Thái cho rằng: “Sở dĩ có sự chống đối như thế vì từ buổi đầu của Hội Thánh, nguyên do là vì ảnh hưởng của Hội Truyền giáo Phúc Âm Liên hiệp. Hội Truyền giáo Phúc

Âm Liên hiệp là hội chuyên rao giảng Tin Lành khắp thế gian mà không lo việc xã hội và giáo dục. Giáo sĩ của hội này không bao giờ đề cập đến những vấn đề xã hội và giáo dục”<sup>8</sup>.

Thời kỳ năm từ năm 1954 đến năm 1975, do có điều kiện thuận lợi hơn, Tin Lành ở Việt Nam cũng đã mở rộng hoạt động từ thiện, chủ yếu trong các lĩnh vực nuôi dạy trẻ mồ côi, trợ giúp những nạn nhân chiến tranh, thiên tai, v.v... Tuy nhiên, tại Việt Nam, Tin Lành chỉ là một đoàn thể nhỏ trong xã hội nên không gây được những ảnh hưởng lớn như Tin Lành ở Trung Quốc.

### **5. Góp phần thúc đẩy giao lưu văn hóa Đông Tây**

Trong quá trình truyền giáo vào Trung Quốc, các giáo sĩ truyền giáo Tin Lành đã góp phần quan trọng trong thúc đẩy giao lưu văn hóa Đông Tây. Các giáo sĩ truyền giáo giới thiệu với các nước Phương Tây về lịch sử và xã hội Trung Quốc đương thời, thúc đẩy các nước Phương Tây tìm hiểu về văn hóa Trung Quốc. Trong quá trình các cường quốc Phương Tây ép Trung Quốc rơi vào tình trạng nửa thuộc địa, các giáo sĩ truyền giáo xuất bản rất nhiều các loại sách báo giới thiệu về tình hình của Trung Quốc. Các thư từ báo cáo của các giáo sĩ truyền giáo gửi về các Hội Thánh Tin Lành ở nước ngoài và các ý kiến đề nghị của các giáo sĩ khi về nước đều là nguồn tư liệu quan trọng để nghiên cứu Trung Quốc.

Cuốn “Từ điển Anh - Hoa” của giáo sĩ Robert Morrison là cuốn từ điển nổi tiếng nhất trong số các cuốn từ điển. Nó đã trở thành cơ sở đầu tiên để xây dựng cuốn từ điển Anh - Hán sau này và đây cũng là một sự kiện trọng đại trong lịch sử giao lưu văn hóa Trung - Anh.

Các giáo sĩ truyền giáo Tin Lành đã giới thiệu với Phương Tây các điển tịch của Khổng giáo. Người thành công nhất trong lĩnh vực này là giáo sĩ James Legge. Bắt đầu từ cuốn đầu tiên là “Kinh điển Trung Quốc” bằng tiếng Anh, xuất bản năm 1861. Trong vòng 25 năm sau đó, James Legge lần lượt cho xuất bản các cuốn như: “Luận ngữ”, “Đại học”, “Trung dung”, “Mạnh Tử”, “Xuân Thu”, “Lễ ký”, “Kinh Thư”, “Hiếu kinh”, “Kinh Dịch”, “Kinh Thi”, “Kinh Đạo đức” và “Trang Tử” bằng tiếng Anh. Những bản dịch này đến nay vẫn là bản dịch tiếng Anh chuẩn mực.

Bên cạnh đó, các giáo sĩ truyền giáo còn sáng lập các tòa soạn báo tiếng nước ngoài tại Trung Quốc, giới thiệu với các nước Phương Tây về lịch sử và tình hình xã hội Trung Quốc đương thời, đồng thời đăng tải những thành quả nghiên cứu của họ. Những tác phẩm này không những có tác

dụng rất lớn để các nước Phương Tây lúc đó tìm hiểu về Trung Quốc, mà cho đến tận ngày nay nó vẫn là những tài liệu quý giá nhất, có giá trị tham khảo quan trọng đối với các học giả Trung Quốc và Phương Tây.

Giáo sĩ truyền giáo Arthur Henderson Smith được coi là chuyên gia lớn về các vấn đề Trung Quốc. Cuốn “Đặc tính của người Trung Quốc” của ông xuất bản năm 1892 đã được dịch sang 6 thứ tiếng trong đó có cả tiếng Nhật. Cuốn sách này gây ảnh hưởng nhất định ở Phương Tây và Nhật Bản.

Các giáo sĩ truyền giáo Tin Lành truyền bá văn hóa Phương Tây vào Trung Quốc đã đưa vào xã hội Trung Quốc một số lượng lớn những giá trị quan, luân lý quan, nhân sinh quan và văn hóa của chủ nghĩa tư bản Phương Tây.

Ngoài việc xuất bản các ấn phẩm, trong thời kỳ này các trường học của Hội Thánh Tin Lành và Hội Thanh niên nam nữ Tin Lành cũng đều làm một khối lượng lớn công việc giới thiệu về văn hóa và khoa học kỹ thuật Phương Tây. Đặc biệt là Hội Thanh niên Tin Lành đã từng giới thiệu với thanh niên Trung Quốc rất nhiều hoạt động thể dục, văn nghệ có ích cho sự phát triển lành mạnh của thanh niên. Xét trên phương diện khách quan, nền học thuật Phương Tây mà các giáo sĩ truyền giáo Tin Lành giới thiệu trong thời kỳ Cách mạng Tân Hợi đã góp phần kích thích và gọi mở cho tầng lớp trí thức Trung Quốc đương thời.

Một số lượng lớn các trường học của Tin Lành do các giáo sĩ truyền giáo sáng lập, cũng như hàng loạt trí thức mới được đào tạo trong các trường đại học của Hội Thánh nửa đầu thế kỷ XX đến nay vẫn khuấy động giới học thuật, giới khoa học kỹ thuật, giới tôn giáo và có những cống hiến nhất định trong xã hội.

Cách quản lý kinh doanh trong các tòa soạn, bệnh viện, trường học mà các giáo sĩ truyền giáo xây dựng ở Trung Quốc thời cận đại là sản phẩm của nền văn minh Phương Tây. Nói chung, những tổ chức này được quản lý một cách dân chủ, khoa học, làm việc có hiệu quả, sử dụng những người giỏi, kiến thức thực dụng, thiết bị tân tiến.

Về phương diện này, Tin Lành Việt Nam dường như còn bỏ trống. Có rất ít, thậm chí hầu như không có tác phẩm nổi tiếng nào của các giáo sĩ Tin Lành Việt Nam giới thiệu về văn hóa, xã hội, kinh tế, y học Phương Tây và cũng rất ít tác phẩm của các giáo sĩ Tin Lành giới thiệu về Việt Nam ra nước ngoài.

### 5. Một vài nhận xét

Từ những nội dung đã trình bày và phân tích trên cho thấy, trong quá trình truyền giáo, Tin Lành đã để lại những ảnh hưởng rất khác nhau đối với xã hội Việt Nam và Trung Quốc. Vậy, đâu là nguyên nhân chủ yếu tạo nên sự khác biệt lớn về mức độ ảnh hưởng đến xã hội của Tin Lành ở hai nước?

*Thứ nhất*, các đoàn truyền giáo của Tin Lành ở Trung Quốc đặc biệt quan tâm đến các vấn đề xã hội. Họ chủ trương tích cực hoạt động văn hóa - xã hội, tham gia vào cải cách xã hội chứ không chỉ vội cứu rỗi linh hồn cá nhân, nhằm lấy văn hóa Phương Tây để thay đổi văn hóa cổ truyền Trung Quốc. Điều này khác hoàn toàn với Tin Lành ở Việt Nam. Hội Truyền giáo Phúc Âm Liên hiệp khẳng định “không nhằm mục đích cải cách xã hội như William Carey đã làm tại Ấn Độ. Hội cũng không dự liệu công tác an sinh xã hội như đã từng thực hiện tại Ấn Độ. Hội không dẫn thân vào chương trình giáo dục trong xứ như các hội truyền giáo Tin Lành khác đã gắng làm tại Trung Hoa”<sup>9</sup> và “Hội Truyền giáo Phúc Âm Liên hiệp chẳng bao giờ trù tính trong chương trình của họ sự thiết lập các trường thế tục cho người Việt Nam. Chính sách của Hội Truyền giáo Phúc Âm Liên hiệp là không mở trường học trong xứ nào mà chính quyền địa phương có thể cung hiến nền giáo dục đầy đủ. Hệ thống giáo dục Việt Nam dưới chế độ Pháp lẫn chính phủ quốc gia được kể là dư thừa, ít nhất là theo các đại diện Hội Truyền giáo Phúc Âm Liên hiệp”<sup>10</sup>.

*Thứ hai*, khác với ở Việt Nam, các giáo sĩ truyền giáo Tin Lành tại Trung Quốc ngay từ đầu đã có những người giỏi về học thuật, am hiểu về Trung Quốc. Sau khi đến Trung Quốc họ đã trở thành các nhân vật nổi tiếng, có vai trò quan trọng trong các lĩnh vực của đời sống xã hội Trung Quốc như: giáo sĩ Robert Morrison, người tiên phong trong lĩnh vực giao lưu văn hóa giữa Trung quốc với Phương Tây thời kỳ cận đại; giáo sĩ Elijah Coleman Bridman, người đầu tiên đưa giáo dục Trung Quốc ra khỏi thời kỳ Trung cổ; giáo sĩ Peter Parker, bác sĩ truyền giáo đầu tiên đưa y học Phương Tây đến Trung Quốc.

Trong khi đó ở Việt Nam, các giáo sĩ Tin Lành là những người trẻ tuổi, không am hiểu tường tận về văn hóa, tôn giáo bản địa. Lê Hoàng Phu viết: “Điều thiết thòi là hầu hết các giáo sĩ chẳng chịu để thì giờ như các vị đồng nhiệm của họ tại Ấn Độ và Trung Hoa đã từng làm, tức là họ nên sử dụng thông thạo tiếng Việt và Pháp, nắm chắc hơn nữa về văn hóa và lịch sử Việt Nam. Những bài viết của họ, kể cả những vị lãnh đạo ưu

việt đôi khi cũng để lộ một số thiếu sót trong sự thông hiểu cơ cấu xã hội, giáo dục thực hành của các tôn giáo lớn, cả đến những biến cố quan trọng nhất của sự phát triển Giáo hội Công giáo La Mã tại Việt Nam”<sup>11</sup>.

*Thứ ba*, với phương pháp truyền giáo gián tiếp qua hoạt động giáo dục, y tế, từ thiện xã hội, Tin Lành Trung Quốc đã thu hút được một lượng tín đồ lớn là thành phần trí thức trong xã hội Trung Quốc đương thời. Họ chính là chủ thể tiếp thu, truyền bá và phát triển những tri thức văn hóa hiện đại của Phương Tây trong xã hội Trung Quốc. Trong khi ở Việt Nam, các giáo sĩ hoạt động đơn lẻ với phương pháp truyền giáo trực tiếp, không nhận được sự ủng hộ của chính quyền lại vấp phải sự cô kết cộng đồng chặt chẽ với truyền thống văn hóa lâu đời của hệ thống làng xã ở Việt Nam và sự cạnh tranh gay gắt về “thị phần” truyền giáo với các tôn giáo đến trước như Công giáo, Phật giáo, v.v... Do vậy, đối tượng truyền giáo chủ yếu của Tin Lành ở Việt Nam gồm hai thành phần chính: *một là*, thị dân ở các thành thị mà đa số là nông dân, thợ thủ công, công nhân, tiểu thương, học sinh và một nhóm nhỏ hơn gồm thư ký, công chức, giáo viên và quân nhân là những người đã tách khỏi cộng đồng làng xã ra thành thị làm ăn sinh sống; *hai là*, các dân tộc thiểu số, nơi mà nền văn hóa tôn giáo còn sơ khai. Đây là thành phần nhỏ và yếu thế trong xã hội nên không thể đóng vai trò tiếp thu và chuyển tải những tri thức văn hóa hiện đại của Phương Tây vào xã hội Việt Nam như tín đồ Tin Lành Trung Quốc đã làm.

*Thứ tư*, tại Trung Quốc, Tin Lành có môi trường truyền giáo thuận lợi hơn ở Việt Nam. Ở Việt Nam, Tin Lành truyền giáo trong điều kiện rất khó khăn, luôn bị đặt trong tình trạng bị nghi ngờ. Khi mới du nhập, Tin Lành bị chính quyền thuộc địa ngăn cản vì nghi ngờ các giáo sĩ Tin Lành dính líu đến hoạt động chính trị làm phương hại đến quyền lợi của Pháp ở Việt Nam. Chính quyền quân chủ nhà Nguyễn dưới sự chỉ đạo của Pháp cũng ngăn cản Tin Lành truyền giáo và phát triển. Chính quyền phát xít Nhật cũng như người Pháp không tin vào tuyên ngôn “không tham gia vào chính trị” của các giáo sĩ Tin Lành. Dưới chính thể Ngô Đình Diệm, Tin Lành bị thẳng tay đàn áp. Trong thời kỳ Mỹ ở Miền Nam Việt Nam, Tin Lành tuy có được sự trợ giúp của chính quyền Sài Gòn và giới chức Mỹ nhưng trong mắt người dân Việt Nam Tin Lành là “đạo Hoa Kỳ”, “đạo bỏ ông bỏ bà”, “đạo rồi”. Sau khi đất nước thống nhất, Tin Lành ở Miền Nam bị đình chỉ hoạt động do một số giáo sĩ truyền giáo có dính líu đến tổ chức FULRO chống lại Nhà nước Việt Nam. Ở Miền Bắc, Tin Lành được cấp giấy phép hoạt động nhưng nhìn chung không phát triển được do hoàn cảnh chiến

tranh tại Việt Nam hết sức cam go, xã hội rơi vào cảnh bần hàn, cộng với chính sách “tả khuynh” hạn chế sự phát triển của tôn giáo.

Điều này rất khác biệt với môi trường truyền giáo ở Trung Quốc. Tại Trung Quốc, Tin Lành chỉ vấp phải chính sách ngăn cấm của triều đình nhà Thanh trong thời gian đầu du nhập. Sau Chiến tranh Thuốc phiện, các chính sách ngăn cản sự phát triển của Tin Lành dần được gỡ bỏ, Tin Lành được bảo hộ bởi các điều khoản quy định trong các “điều ước bất bình đẳng”.

Trong tình hình mâu thuẫn giữa tầng lớp nhân dân Trung Quốc và giai cấp thống trị quân chủ, Tin Lành lại được coi là một công cụ đưa tri thức văn hóa, khoa học cận đại Phương Tây vào Trung Quốc. Các trường học của Tin Lành đã đáp ứng được nhu cầu của người dân Trung Quốc mong muốn cải cách để trở nên giàu mạnh, do vậy, nó đã thu hút được một lượng lớn tín đồ thuộc tầng lớp trí thức có địa vị cao trong xã hội, trong đó có cả gia đình Tôn Trung Sơn, Tưởng Giới Thạch và rất nhiều chí sĩ Cách mạng Tân Hợi. Chính nhờ thành phần tín đồ này mà địa vị xã hội của Tin Lành tại Trung Quốc ngày càng được nâng cao, thậm chí còn đóng vai trò dẫn đạo về chính trị, để lại dấu ấn đáng kể trên chính trường Trung Quốc. Tôn Trung Sơn giác ngộ, tiến hành sự nghiệp cách mạng tư sản và lập ra Trung Hoa Dân Quốc có một phần ảnh hưởng không nhỏ của Tin Lành. Đây là những điều kiện chính trị thuận lợi để Tin Lành phát triển nhanh tại Trung Quốc, điều mà Tin Lành tại Việt Nam hoàn toàn không có được.

*Thứ năm*, phương pháp truyền giáo chủ yếu mà Tin Lành Việt Nam sử dụng là phương pháp trực tiếp “chứng đạo cá nhân”. Trong khi đó, Tin Lành ở Trung Quốc chú trọng đến phương pháp truyền đạo gián tiếp qua giáo dục, y tế, từ thiện xã hội. Thêm nữa, ngay từ đầu khi mới du nhập vào Việt Nam, các giáo sĩ truyền giáo Tin Lành đã chủ trương “không tham gia vào chính trị”. Chủ trương này đã giúp cho Tin Lành có chỗ đứng tại Việt Nam trong bối cảnh chính trị, xã hội không thuận lợi cho việc truyền giáo và phát triển đạo. Tuy nhiên, việc kiên trì theo đường hướng không dính dáng đến chính trị, chỉ chú trọng đến hoạt động thuần túy tôn giáo đã khiến cho giới Tin Lành Việt Nam dè dặt trong các hoạt động trần thế. Chính đường hướng hoạt động, quan điểm thần học, phương pháp truyền giáo và môi trường truyền giáo trên đã khiến cho Tin Lành không tạo được ảnh hưởng lớn đối với xã hội Việt Nam. Tuy nhiên, nó lại để lại những dấu ấn rất lớn, có tính chất thay đổi một số lĩnh vực trong đời sống xã hội Trung Quốc./.

**CHÚ THÍCH:**

- 1 Lâu Vũ Liệt, Trương Chí Cương (chủ biên, 1989), *Lịch sử giao lưu tôn giáo của Trung Quốc với nước ngoài*, Nxb. Hồ Nam, Hồ Nam: 430.
- 2 Lý Khoan Thục (1998), *Lược sử Kitô giáo Trung Quốc*, Nxb. Văn hiến Khoa học xã hội, Bắc Kinh: 277.
- 3 Nguyễn Thanh Xuân (2002), *Bước đầu tìm hiểu đạo Tin Lành trên thế giới và Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội: 391.
- 4 Nguyễn Thanh Xuân (2002), sđd: 434.
- 5 *Thánh Kinh Nguyệt san*, số 12/1971, Hà Nội: 28.
- 6 Trác Tân Bình (chủ biên, 1998), *Kitô giáo, Do Thái giáo chí*, Nxb. Nhân dân Thượng Hải, Thượng Hải: 268.
- 7 Trác Tân Bình (chủ biên, 1999), *Kiến thức cơ sở về Kitô giáo Trung Quốc*, Nxb. Văn hóa Tôn giáo, Bắc Kinh: 80.
- 8 Lê Văn Thái (1970), *Bốn mươi sáu năm trong chức vụ*, Nxb. Tin Lành, Sài Gòn: 234.
- 9 Lê Hoàng Phu (1974), *Lịch sử Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (1911-1965)*, Trung tâm Nghiên cứu Phúc Âm, Sài Gòn: 44.
- 10 Lê Hoàng Phu (1974), sđd: 120.
- 11 Lê Hoàng Phu (1974), sđd: 108.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Trác Tân Bình (chủ biên, 1998), *Kitô giáo, Do Thái giáo chí*, Nxb. Nhân dân Thượng Hải, Thượng Hải.
2. Lâu Vũ Liệt, Trương Chí Cương (chủ biên, 1989), *Lịch sử giao lưu tôn giáo của Trung Quốc với nước ngoài*, Nxb. Hồ Nam, Hồ Nam.
3. Lê Hoàng Phu (1974), *Lịch sử Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (1911 - 1965)*, Trung tâm Nghiên cứu Phúc Âm, Sài Gòn.
4. Lê Văn Thái (1970), *Bốn mươi sáu năm trong chức vụ*, Nxb. Tin Lành, Sài Gòn.
5. Lý Khoan Thục (1998), *Lược sử Kitô giáo Trung Quốc*, Nxb. Văn hiến Khoa học xã hội, Bắc Kinh.
6. Nguyễn Thanh Xuân (2002), *Bước đầu tìm hiểu đạo Tin Lành trên thế giới và Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.

**Abstract**

**THE CONTRIBUTIONS OF PROTESTANTISM  
IN THE FIRST PERIOD OF INTRODUCTION INTO CHINA  
AND VIETNAM**

In comparing the contributions of Protestantism in Vietnam and in China in the first period of evangelization through the aspects of education, healthcare, information, press, publication, social charity and cultural exchange between the Occident and the Orient. This article analyzes the main causes that led to the differences of degree of social influence of Protestantism in China and Vietnam.

**Keywords:** Contribution, Protestantism, China, Vietnam, society.